

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PGS

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Hóa học**; Chuyên ngành: **Công nghệ vật liệu polyme**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phan Thị Tuyết Mai

2. Ngày tháng năm sinh: 19/4/1982; Nam Nữ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Khánh Ninh, Yên Khánh, Ninh Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm ngoài, thôn Phương Mỹ, xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Phòng C2004, Tòa C, Tòa nhà Việt Đức Complex, ngõ 164 Khuất Duy Tiến, Hà Nội.

Điện thoại di động: 0976898472;

E-mail: maimophong@gmail.com/maiptt5632@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 2005 đến năm 2007: Nghiên cứu, Nghiên viên tại Trung tâm trọng điểm vật liệu polyme, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
- Từ năm 2008 đến năm 2012: Nghiên cứu, Nghiên cứu viên tại Khoa Hóa học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội
- Từ năm 2013 đến nay: Giảng dạy và nghiên cứu, Giảng viên tại Khoa Hóa học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội
- 09/2008-12/2008; 11/2011: Trao đổi khoa học tại Đại học Toulon, Pháp.
- 07/2014-8/2014: Trao đổi khoa học tại Đại học Osaka Prefecture, Nhật Bản.
- 10/2018: Tham gia khóa đào tạo khởi nghiệp do Global Innovation Through Science and Technology (GIST) tổ chức tại Melbourne, Australia.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Hóa học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

Địa chỉ cơ quan: 19 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan 02438353503

8. Đã nghỉ hưu từ tháng:

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 7 năm 2005, ngành: Công nghệ Hóa học, chuyên ngành: Công nghệ vật liệu Polyme và Compozit

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

- Được cấp bằng ThS ngày 18 tháng 6 năm 2008, ngành: Công nghệ Hóa học, chuyên ngành: Công nghệ vật liệu Hóa học

Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

- Được cấp bằng TS ngày 26 tháng 3 năm 2013, ngành: Hóa học, chuyên ngành: Hóa lý và Hóa lý thuyết

Nơi cấp bằng TS: Đại học Quốc Gia Hà Nội

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa học - Công nghệ thực phẩm

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

-Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu chế tạo vật liệu polyme chức năng

-Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu thu hồi và tổng hợp các sản phẩm giá trị cao từ phụ phẩm nông nghiệp

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 05 HVCH (2 hướng dẫn chính, 3 hướng dẫn phụ) bảo vệ thành công luận văn và nhận học vị ThS; 01 học viên dự kiến sẽ bảo vệ vào năm 2022. Bên cạnh đó, đã hướng dẫn 26 sinh viên Hệ Đại học Chính quy hoàn thành Khóa luận với chất lượng tốt trong đó 20 sinh viên đã nhận bằng Cử nhân và 06 sinh viên đang chờ nhận bằng.

- Đã chủ trì hoàn thành 04 đề tài các cấp: gồm 01 đề tài NCKH của Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Ninh Bình, 02 đề tài NCKH cấp ĐHQGHN, 01 đề tài cấp Trường ĐHKHTN. 01 đề tài NCKH Tiềm năng Nafosted đang được chủ trì, triển khai và dự kiến hoàn thành vào năm 2022.

- Tham gia chính nhiều đề tài NCKH cấp nhà nước, đề tài Nghị định thư, đề tài NCKH Nafosted.

- Đã công bố (số lượng) 30 bài báo khoa học và báo cáo khoa học, trong đó 04 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín, đã trình bày 03 báo cáo tại các hội thảo quốc tế và trong nước.

- Đã nhận được 03 bằng độc quyền sáng chế trong đó 01 bằng độc quyền sáng chế patent và 02 độc quyền GPHI. 01 sáng chế patent đã nhận được chấp nhận đơn hợp lệ vào 30/7/2020 và dự kiến sẽ nhận bằng vào 12/2021.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giải nhất cuộc thi “Sáng tạo Khởi nghiệp” cấp Đại học Quốc Gia 2017.

- Giải thưởng cho nhà khoa học nữ khu vực APEC do Global Innovation Through Science and Technology-GIST tổ chức tại Australia năm 2018.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đủ tiêu chuẩn

Với vai trò giảng viên đại học, ứng viên (UV) luôn trung thành và tin tưởng vào sự phát triển vững mạnh của đất nước, có lối sống lành mạnh; luôn tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy để tăng cường năng lực nhằm đáp ứng được yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu của Nhà trường, của ĐHQGHN và ngành.

Trong công tác giảng dạy, UV luôn tích cực nghiên cứu nhằm nắm vững mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, luôn thực hiện nghiêm túc Quy chế đào tạo, chủ động và tích cực xây dựng Đề cương môn học, bài giảng, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giảng dạy, cập nhật những phương pháp giảng dạy, đánh giá tiên tiến nhằm nâng cao tính chủ động của người học, đặc biệt chú trọng phát triển các kỹ năng cần thiết cho sinh viên. Đảm nhiệm và hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ đào tạo được giao, đã trực tiếp tham gia giảng dạy nhiều môn, tiêu biểu như Hóa Kỹ thuật, Công nghệ vật liệu Polyme và composit, Mô phỏng trong công nghệ Hóa học, Cơ sở Thủy khí ứng dụng. Bên cạnh đó, với đặc thù của ngành thực nghiệm, UV luôn tích cực cùng đồng nghiệp đẩy mạnh, đổi mới giảng dạy các học phần Thực tập (Thực tập Hóa Kỹ thuật, Thực tập Công nghệ Hóa học) và Thực tế cho sinh viên khoa Hóa học. Đồng thời, UV luôn tích cực tham gia các khóa đào tạo đổi mới phương pháp trong giảng dạy đại học. Tích cực tham gia và hỗ trợ sinh viên tham gia các khóa đào tạo khởi nghiệp, tham gia các cuộc thi sáng tạo khởi nghiệp.

Xác định rằng công tác nghiên cứu khoa học giữ vị trí đặc biệt quan trọng với giảng viên một trường đại học theo định hướng nghiên cứu, UV luôn chú trọng, nâng cao khả năng nghiên cứu của bản thân. Trong hơn 10 năm công tác tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, UV đã được tin tưởng giao và hoàn thành tốt 01 đề tài NCKH của Sở Khoa học Công nghệ Tỉnh Ninh Bình, 02 đề tài cấp ĐHQGHN, 01 đề tài cấp Trường Đại học Khoa học Tự nhiên; đang chủ nhiệm 01 đề tài Tiềm năng của Quỹ Nafosted; đã công bố/báo cáo 30 bài báo trên các tạp chí trong và ngoài nước, trong đó có 04 bài báo đăng trên các Tạp chí quốc tế uy tín. Đã nhận được 03 bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích. Ứng viên cũng đã tích cực tham gia và báo cáo tại các hội thảo khoa học quốc tế và trong nước. Ứng viên đã nhận được các giải thưởng: giải nhất cuộc thi “Sáng tạo Khởi nghiệp” cấp Đại học Quốc Gia 2017 và giải thưởng cho nhà khoa học nữ khu vực APEC do Global Innovation Through Science and Technology-GIST tổ chức tại Australia năm 2018.

Bên cạnh công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, UV đã tích cực tham gia công tác hướng dẫn sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp và luận văn thạc sĩ. Ứng viên đã hướng dẫn và đồng hướng dẫn thành công 26 cử nhân và 05 thạc sĩ.

Trong suốt quá trình công tác tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN từ năm 2008 đến nay, UV luôn có ý thức phấn đấu vươn lên hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và những công tác khác. Ứng viên tự đánh giá bản thân đáp ứng tốt với tiêu chuẩn là giảng viên của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 08 năm bắt đầu từ tháng 5/2013.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016	0	0	02	04	396,5	0	396,5/564,5/270
2	2016-2017	0	0	0	04	344	72	416/503,5/270
3	2017-2018	0	0	01	04	272	0	272/410/270
03 năm học cuối								
4	2018-2019	0	0	0	03	261,5	48	309,5/393,5/270
5	2019-2020	0	0	0	04	149	48	197/293/135
6	2020-2021	0	0	01	06	421,5	0	421,5/591,5/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ;

Diễn giải: Đã sử dụng Tiếng Anh thành thạo phục vụ chuyên môn thể hiện qua một số công việc cụ thể sau:

- Đã viết hơn 10 bài báo/báo cáo bằng Tiếng Anh đăng trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín trong nước và quốc tế, trong đó 4 bài đăng trên tạp chí quốc tế.

- Đã báo cáo bằng Tiếng Anh tại 2 hội nghị quốc tế.

- Đã thực hiện trao đổi khoa học 3 tháng tại Đại học Toulon, Pháp.

- Đã thực hiện trao đổi khoa học 2 tháng tại Đại học Osaka Prefecture, Nhật Bản.

- Đã hoàn thành khóa đào tạo hỗ trợ khởi nghiệp cho các nhà khoa học nữ khu vực APEC tổ chức tại Melbourne, Australia.

- Đã có 7 năm làm việc cùng với các chuyên gia nước ngoài, giao tiếp bằng tiếng Anh.

3.2. Tiếng Anh:

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Đinh Thị Mai Huệ		x		x	2012-2015	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	06/4/2015
2	Trần Văn Phong		x		x	2012-2015	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	06/4/2015
3	Phùng Thị Lan Hương		x		x	2013-2016	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	28/3/2016
4	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		x	x		2013-2016	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	28/3/2016
5	Ngô Mạnh Túc		x	x		2016-2018	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	2018

6	Phan Thị Đào		x	x		2020-2022	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	Dự kiến 2022
---	--------------	--	---	---	--	-----------	----------------------------------	--------------

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu chế tạo vật liệu composit chứa các hạt áp điện có kích thước nano	CN	QT-09-25 Đại học Quốc Gia Hà Nội	2009-2010	13/4/2010, Tốt
2	Nghiên cứu ghép hạt áp điện nano-BaTiO ₃ lên bề mặt sợi thủy tinh	CN	TN-10-22 Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	2010-2011	06/5/2011, Tốt
II	Sau khi được công nhận TS				
3	Nghiên cứu công nghệ chế tạo polyme làm phụ gia giảm nhiệt độ đông đặc của biodiesel	CN	QG14.18 Đại học Quốc gia Hà Nội	2014-2016	02/11/2016, Xuất sắc
4	Nghiên cứu phát triển công nghệ chuyển hóa phụ phẩm dứa thành khí sinh học (biogas) và sử dụng phế phẩm của quá	CN	16/ĐT-KHCN2016 Tỉnh Ninh Bình	2016-2018	09/10/2018, Tốt

	trình này để sản xuất phân vi sinh				
5	Nghiên cứu quy trình chế tạo vật liệu polyme siêu hấp thụ phân hủy sinh học có cấu trúc vỏ lõi với lớp vỏ được kết lưới nâng cao bằng hợp chất epoxy”,	CN	06/2019/TN	2019-2022	Dự kiến nghiệm thu 2022

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được nhận bằng TS							
1	Blend của polyetylen tái sinh với tinh bột sắn Việt Nam sử dụng chất trợ tương hợp NP-04 Phần I: Khả năng tương hợp của polyetylen tái sinh với tinh bột sắn	4	Không	Tạp chí hóa học, ISSN: 0866-7144			44/2, 219-222	2006
2	Blend của polyetylen tái sinh với tinh bột sắn Việt Nam sử dụng chất trợ tương hợp NP-04 Phần II: Tính chất cơ lý và độ phân hủy của blend trên cơ sở polyetylen tái sinh và tinh bột sắn	4	Không	Tạp chí Hóa học, ISSN: 0866-7144			44/3, 336-339	2006
3	Mechanical properties of bamboo fiber mat polypropylene composites	3	Không	Journal of Chemistry, ISSN: 0866-7144			45/5A, 170-175	2007

4	Influence of surface properties of nano-BaTiO ₃ particles on the dielectric behavior of BaTiO ₃ /epoxy nanocomposites	8	Có	International Symposium on Nano - Materials, Technology and Applications, ISSN 0921-4526	Báo cáo tại hội nghị			2009
5	Ảnh hưởng của hợp chất ghép nối silan đến phản ứng đóng rắn của hệ nano-BaTiO ₃ /epoxy composit	6	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ISSN:1859-4794			48/2A, 419-424	2010
6	Nghiên cứu phản ứng ghép γ -aminopropyl-trimetoxytan lên bề mặt hạt nano BaTiO ₃ (A study on the graft-reaction of γ -amino-propyl-trimethylsilane onto BaTiO ₃ nanoparticles)	6	Có	Tạp chí Hóa học, ISSN: 0866-7144			48/4A, 13-17	2010
7	Système polymère composite renforcée par fibre de verres contenant des nanoparticules BaTiO ₃	8	Có	2eme Journées scientifiques francophones franco-vietnamiennes, Toulon, France	Báo cáo tại hội nghị			2011
8	Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng tới quá trình ghép hạt nano BaTiO ₃ lên bề mặt sợi thủy tinh	6	Có	Tạp chí Hóa học, ISSN: 0866-7144			49/2A BC, 462-466	2011
9	Preparation and characterization of barium titanate nanopowders	14	Không	Kỷ yếu Hội nghị Việt-Pháp, DaNang, Viet Nam			60-64	2013
II	Sau khi được nhận bằng TS							
10	Nghiên cứu phản ứng đóng rắn hệ nhựa Epoxy-chất đóng rắn Amin thơm	4	Có	Tạp chí Khoa học Đại học			30/5S,	2014

	bảng phổ hồng ngoại chuyển đổi Fourie			Quốc Gia Hà Nội				
11	Elaboration and dielectric property of modified PZT/epoxy nanocomposites	7	Không	Polymer Composite, 1548-0569	ISI, IF=2.265, Q2	5	37/2, 455-460	2014
12	Correlation between the FTIR spectroscopy and dielectric analysis to investigate the UV aging of BaTiO ₃ -epoxy nanocomposite	4	Có	Hội thảo khoa học Việt-Pháp lần thứ 4: Hóa học vật liệu tiên tiến vì môi trường	Báo cáo tại hội nghị			2015
13	Kết hợp phổ FTIR và phân tích điện môi nghiên cứu quá trình lão hóa UV của vật liệu BaTiO ₃ -epoxy nanocompozit	4	Có	Tạp chí Hóa học, ISSN: 0866-7144			55/4E1	2015
14	The role of epoxy matrix occlusions within BaTiO ₃ nanoparticles on the dielectric properties of functionalized BaTiO ₃ /epoxy nanocomposites	6	Có	Composites Part A: Applied Science and Manufacturing, 1359-835X	ISI, IF=6.444, Q1	13	90, 528-535	2016
15	Enhancement of Polarization Property of Silane-Modified BaTiO ₃ Nanoparticles and Its Effect in Increasing Dielectric Property of Epoxy/BaTiO ₃ Nanocomposites	7	Có	Journal of Science: Advanced Materials and Devices, 2468-2179	IF=3.783	22	1, 90-97	2016
16	The Isoelectric Point and the Surface Charge of Barium Titanate Nanoparticles/Graphene Oxide Determined Using the Electrophoretic Mobility Technique	6	Không	VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology, eISSN:2588-1140			37/1, 28-32	2021

17	Tổng hợp và biến tính copolime α -tetradecen-maleic anhydrit bằng ancol mạch dài làm chất phụ gia giảm nhiệt độ đông đặc của biodiesel	2	Có	Tạp chí Hóa học, ISSN: 0866-7144			53/4E 1, 127- 132	2015
18	Synthesis and characterization of comb-shape (maleic acid alkyl ester-vinyl acetate) copolymers for cold flow improvers of biodiesel	4	Có	The 6 th Asian Symposium on Advanced Materials, September 27-30 th , 2017, Ha Noi, Vietnam			Proce edings ,728- 733	2017
19	Tổng hợp copolymer maleic anhydrit- α -hexadecen làm chất phụ gia cải thiện tính chảy lạnh cho biodiesel	4	Có	Tạp chí Hóa học, ISSN: 0866-7144			55/5E 12,	2017
20	Synthesis and modification of maleic anhydride-vinyl acetate copolymer by a long alkyl chain alcohol for cold flow improvers of biodiesel	4	Có	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering, ISSN: 2525-2461			60/2, 8-13	2018
21	Synthesis and elaboration of modified comb type (maleic anhydride- α -tetradecene) copolymers for cold flow improvers of biodiesel	3	Có	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering, ISSN: 2525-2461			63/2, 13-19	2021
22	Preparation of magnetic nanocomposite with modified polyguanidine and its antibacterial properties	6	Không	Vietnam Journal of Chemistry, ISSN: 2572-8288			58/1,1 13- 118	2020
23	Investigation on Synthesis of Hydrogel Starting from Vietnamese Pineapple Leaf	4	Có	Journal of Analytical Methods in	ISI (IF=1.878, Q3)		https://doi.org/10.1	2021

	Waste-Derived Carboxymethylcellulose			Chemistry, ISSN: 2090-8873			<u>155/2</u> <u>021/6</u> <u>63996</u> <u>4</u>	
24	Study on extracting hemicellulose, cellulose, and carboxymethyl cellulose from Vietnamese rice straw waste	3	Có	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering, ISSN: 2525-2461			63/1,1 5-20	2021
25	Pectin and cellulose extraction from passion fruit peel waste	2	Có	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering, ISSN: 2525-2461			62/1, 32-37	2020
26	Tiềm năng sản xuất biogas từ vỏ và lõi dứa	5	Có	Tạp chí Hóa học, ISSN: 0866-7144			55/5E 12,25 6-261	2017
27	Nghiên cứu điều kiện thích hợp cho quá trình phân hủy kỵ khí sinh biogas từ vỏ và lõi dứa	3	Có	Tạp chí Hóa học, ISSN: 0866-7144			56/6E 1, 212- 216	2018
28	Tiềm năng sản xuất biogas từ lá dứa	1	Có	Tạp chí hóa học, ISSN: 0866-7144			57/6E (1,2), 235- 239	2019
29	Nghiên cứu điều kiện thích hợp cho quá trình phân hủy yếm khí sinh biogas từ phụ phẩm lá dứa	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam			62/3,2 0-25	2020
30	A study on synthesis and properties of SAPs based on carboxymethyl cellulose	3	Có	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering,			62/3,2 6-32	2020

				ISSN: 2525-2461				
31	Synthesis and characterization of carboxymethyl cellulose with high degree substitution from Vietnamese pineapple leaf waste	5	Có	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering, ISSN: 2525-2461 (Chấp nhận đăng)				2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **04** với các thứ tự là **11,14,15 và 23**.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Hợp chất poly (maleic-co- α -hexadecen) để làm chất phụ gia cho nhiên liệu sinh học biodiesel từ dầu cọ	Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam	04/4/2018	Tác giả chính	3
2	Hợp chất cacboxy methyl xenlulo-Co-Naacrylat-Acrylic axit-Acryl amit để làm chất hấp thụ nước và quy trình sản xuất hợp chất này từ lá dứa	Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam	01/7/2019	Tác giả chính	3
3	Quy trình xử lý phụ phẩm của quá trình chế biến dứa	Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam	14/7/2020	Tác giả chính	2
4	Hạt polyme siêu hấp thụ có lớp vỏ được kết lưới nâng cao và quy trình sản xuất hạt polyme siêu hấp thụ này	Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam	Chấp nhận đơn hợp lệ 30/7/2020	Tác giả chính	3

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS là các số thứ tự **1,2,3,4** trong bảng trên.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
----	-------------------------------------	---------------------------	--	----------------------------------	------------

	huấn luyện, thi đấu TDTT				
1	Giải nhất cuộc thi “Sáng tạo Khởi nghiệp” cấp Đại học Quốc Gia 2017	Đại học Quốc Gia Hà Nội	1599/QĐ-ĐHQGHN, 16/5/2017	Trong nước	3
2	Giải thưởng cho nhà khoa học nữ khu vực APEC tổ chức tại Australia năm 2018	Global Innovation Through Science and Technology (GIST)	Certificate of Completion 10/2018	Quốc tế	1

- Trong đó: số giải thưởng quốc tế, là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS là các số thứ tự **1,2** trong bảng trên.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Công nghệ Kỹ thuật Hóa học,	Tham gia				
2	Chương trình đào tạo Cử nhân Chất lượng cao ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học	Tham gia				
3	Chương trình đào tạo Thạc sỹ Kỹ thuật Hóa học	Tham gia				

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): ...

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thị Tuyết Mai